TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/03/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Kim Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Hà**

2. Bà Vũ Thị Đượm

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: **Bà Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Vy Thị M**, sinh năm 1995 (có mặt).

* Bị đơn: **Anh Tằng Minh T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng trú tại: tổ 6, ấp Bình Tiến, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vy Thị M trình bày:*

Chị và anh Tằng Minh T tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, trước đó anh chị chưa ai có vợ có chồng. Quá trình chung sống có 03 con chung là

cháu Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015, cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh T sống thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không chịu lao động dẫn đến vợ chồng gây gỗ và anh T đánh đập chị. Tình cảm vợ chồng ngày một rạng nứt, kéo dài đến tháng 8 năm 2018 chị M dọn ra ngoài sống, hai vợ chồng ly thân kể từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015, cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017. Sau khi chị ra sống riêng anh T không đồng ý giao các cháu cho chị nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn chị đồng ý giao 03 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện khoản thu nhập của chị vẫn còn khó khăn nên hàng tháng chị sẽ cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 500.000 đồng.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tằng Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 22/10/2019 tại địa phương cho biết: chị Vy Thị M và anh Tằng Minh T là vợ chồng và có 03 người con là Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015, cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017, vợ chồng anh T và chị M hiện nay không sống chung với nhau từ cuối năm 2018, anh T sống cùng 03 người con, còn nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của chị M, anh T địa phương không nắm rõ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị M khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: " Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ky hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Tiến, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Tâm, xác định chị M là nguyên đơn, anh T là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tống đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh T chung sống từ năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẩn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cải vả. Anh T không lo làm ăn , những lúc uống rượu về gây chuyện đánh đập chị. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T cố tình vắng mặt, không có lời khai hay trình bày gì, chứng tỏ mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh của Công an xã Xuân Phú xác nhận: anh T và chị M có đăng ký thường trú tại ấp Bình Tiến, xã Xuân Phú, nhưng chị M đã không còn sống chung nhà với anh T từ cuối năm 2018. Hiện nay anh T đang nuôi dưỡng 03 con chung tại địa phương.

Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao các cháu Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015, cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017, cho anh T nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 500.000đồng/ tháng/ 03 con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: do anh T không có lời khai hay lời trình bày gì nên không giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vy Thị M, chị M được ly hôn với anh Tằng Minh T.

Về con chung: giao cháu Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015, cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017 cho anh Tằng Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 500.000đồng/tháng nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ

thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: anh Tằng Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Tằng Minh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Vy Thị M khởi kiện xin ly hôn với anh Tằng Minh Tâm, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị Vy Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Tằng Minh T. Xét yêu cầu khởi kiện của chị M Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Vy Thị M kết hôn với anh Tằng Minh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh T thiếu sự quan T đối với gia đình, thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, dẫn đến vợ chồng gây gỗ và đánh đập nhau. Đến năm 2018 chị M dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng ly thân từ đó, anh T cũng không gặp chị M để hàn gắn đoàn tụ.

Riêng anh T không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai và cung cấp chứng cứ theo quy định.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị M và anh T tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho chị Vy Thị M được ly hôn với anh Tằng Minh T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: chị Vy Thị M đồng ý giao 03 con chung là Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015, cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017 cho anh Tằng Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy các cháu đang do anh T nuôi dưỡng, hiện cuộc sống đã ổn định, nghĩ nên tiếp tục giao các cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị Vy Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung hàng tháng là 500.000đồng.

[5] Về tài sản chung: chị M không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị M khai không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Vy Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Chị Vy Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khỏan 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vy Thị M đối với anh Tằng Minh T về việc "Ly hôn"**.** Cho chị Vy Thị M được ly hôn với anh Tằng Minh Tâm.

2. Về con chung: Giao các cháu Tằng Vy Yến T, sinh ngày 05/08/2013, cháu Tằng Vy T, sinh ngày 05/08/2015 và cháu Tằng Vy Yến N, sinh ngày 04/01/2017 cho anh Tằng Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Vy Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 500.000đ(năm trăm ngàn đồng)/tháng/ 03 cháu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Vy Thị M được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh Tằng Minh T và chị Vy Thị M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: chị Vy Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Vy Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị M đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0003241 ngày 20/8/2019.

Chị Vy Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tằng Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Phượng